

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 – 24

10/01/2010

Số: 110/DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2012, từ trang 03 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Trong năm 2011, Công ty chưa ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh khoản lãi vay phải trả cho Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất với số tiền là 1.637.486.598 đồng. Nếu khoản chi phí này được ghi nhận đầy đủ thì khoản mục tổng lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.


CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
DFK
VIỆT NAM
Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc

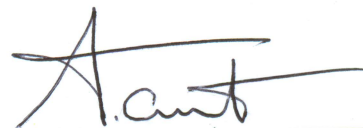
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182 /KTV

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. Tài sản ngắn hạn	100		128.823.534.685	153.967.183.594
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.383.866.735	31.574.301.426
1. Tiền	111	4	23.383.866.735	31.574.301.426
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	85.500.497.770	62.610.419.603
1. Phải thu khách hàng	131		60.158.205.227	49.919.201.715
2. Trả trước cho người bán	132		22.209.280.537	1.812.132.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		3.306.000.171	11.061.677.253
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(172.988.165)	(182.591.865)
IV. Hàng tồn kho	140	6	17.284.207.612	52.401.495.161
1. Hàng tồn kho	141		17.284.207.612	52.401.495.161
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.654.962.568	7.380.967.404
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	2.045.058.658	3.774.570.598
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.703.485	2.916.407.347
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		542.200.425	689.989.459
B. Tài sản dài hạn	200		315.911.178.371	308.632.514.263
II. Tài sản cố định	220		55.290.554.712	28.390.992.590
1. TSCĐ hữu hình	221	8	52.018.276.765	26.824.178.563
- Nguyên giá	222		81.625.706.183	37.907.480.111
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.607.429.418)	(11.083.301.548)
2. TSCĐ vô hình	227	9	1.254.635.636	-
- Nguyên giá	228		1.336.298.305	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.662.669)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.017.642.311	1.566.814.027
III. Bất động sản đầu tư	240	11	427.323.035	446.456.909
1. Nguyên giá	241		739.785.948	739.785.948
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(312.462.913)	(293.329.039)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	147.036.175.000	267.813.550.428
1. Đầu tư vào công ty con	251		37.555.000.000	37.555.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	123.508.550.428
3. Đầu tư dài hạn khác	258		109.481.175.000	106.750.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		113.157.125.624	11.981.514.336
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	112.414.695.624	11.897.952.857
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	29.561.479
3. Tài sản dài hạn khác	268		742.430.000	54.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		444.734.713.056	462.599.697.857

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. Nợ phải trả	300		213.775.838.063	232.848.802.195
I. Nợ ngắn hạn	310		206.319.270.776	212.641.152.195
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	111.708.804.281	140.675.953.980
2. Phải trả cho người bán	312		81.621.057.653	55.074.205.252
3. Người mua trả tiền trước	313		418.486.896	114.759.211
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	15	1.319.002.611	4.647.616.993
5. Phải trả công nhân viên	315		1.888.183.129	517.012.937
6. Chi phí phải trả	316		-	209.726.507
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	8.329.921.319	9.595.433.696
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.033.814.887	1.806.443.619
II. Nợ dài hạn	330		7.456.567.287	20.207.650.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		340.314.000	156.384.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	6.886.512.400	20.013.000.000
5. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		229.740.887	38.266.000
B. Vốn chủ sở hữu	400		230.958.874.993	229.750.895.662
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	230.958.874.993	229.750.895.662
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		213.437.600.000	213.437.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.064.000.000	2.064.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.073.962.030	2.073.962.030
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.580.414.078	1.580.414.078
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		372.029.553	372.029.553
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		11.430.869.332	10.222.890.001
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		444.734.713.056	462.599.697.857


LÊ VĂN DANH

Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012


NGUYỄN THỊ THÙY VÂN

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

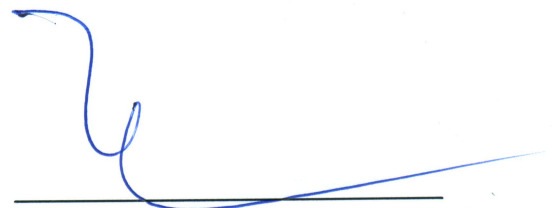
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.738.441.722.480	1.803.668.535.769
2. Các khoản giảm trừ	02		-	5.780.733
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	2.738.441.722.480	1.803.662.755.036
4. Giá vốn hàng bán	11	20	2.682.621.402.203	1.774.393.814.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.820.320.277	29.268.940.326
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	20.056.576.709	38.473.510.004
7. Chi phí tài chính	22	22	26.477.263.572	26.500.915.174
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.477.263.572	26.500.915.174
8. Chi phí bán hàng	24	23	25.952.727.956	11.926.317.922
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	12.313.823.438	18.015.631.473
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.133.082.020	11.299.585.761
11. Thu nhập khác	31	25	259.460.735	946.080.362
12. Chi phí khác	32		26.029.861	827.045.609
13. Lợi nhuận khác	40		233.430.874	119.034.753
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.366.512.894	11.418.620.514
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		29.561.479	97.688.161
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.336.951.415	11.320.932.353
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	27	531	554



LÊ VĂN DANH

Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN THỊ THÙY VÂN

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	11.366.512.894	11.418.620.514
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	2	4.833.235.213	2.776.557.299
Các khoản dự phòng	3	(9.603.700)	(11.434.000)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(20.025.604.037)	(17.164.707.452)
Chi phí lãi vay	6	26.477.263.572	26.500.915.174
2. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	8	22.641.803.942	23.519.951.535
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(25.803.664.153)	41.417.512.751
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	35.117.287.549	3.515.254.834
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	33.919.012.812	(19.113.253.741)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.640.238.845)	(2.154.609.792)
Tiền lãi vay đã trả	13	(26.686.990.079)	(26.500.915.174)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.574.566.718)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.972.644.508	20.683.940.413
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(11.504.287.723)	(8.008.190.937)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	7.163.636	22.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	(19.488.568.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	139.319.693.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.731.175.020)	(26.750.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.774.568.641	17.168.216.047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.546.269.534	102.263.150.110
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	9.319.800.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(210.000.000)
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.572.209.566.991	1.572.874.384.060
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.616.789.943.640)	(1.672.822.164.840)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(10.128.972.084)	(16.917.383.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54.709.348.733)	(107.755.364.133)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.190.434.691)	15.191.726.390
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.574.301.426	16.382.575.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.383.866.735	31.574.301.426

LÊ VĂN DANH

Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

NGUYỄN THỊ THÙY VÂN

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***I. Thông tin khái quát****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000608 ngày 08/12/2008 và giấy phép điều chỉnh lần thứ 2 ngày 29/8/2011. Công ty chính thức chuyển sang cổ phần từ ngày 08/12/2008.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng và tuân theo các quy định hiện hành của Luật Chứng khoán đối với Công ty đại chúng theo Quyết định số 238/CQDD-NV ngày 24/10/2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 95A, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 316 người.

2. Hoạt động kinh doanh chính

Bán lẻ xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và khí dầu mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở); bán buôn hàng trang trí nội thất; đồ điện gia dụng, bếp gas, bán buôn máy móc ngành nông nghiệp; kinh doanh du lịch lữ hành nội địa; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện; máy phát điện; bán lẻ sắt thép; phụ tùng bếp gas, bếp gas; bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và dầu khí mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; quảng cáo; đại lý bưu điện; bán buôn rượu, bia, nước giải khát; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; bán buôn máy móc ngành công, lâm nghiệp; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; vận tải hành khách đường thủy nội địa theo hợp đồng; bán lẻ rượu, bia, nước giải khát; sửa chữa trụ bơm xăng, dầu; bán buôn sắt, thép.

Thông tin về chi nhánh**1. Cụm Xăng dầu Số 1**

Trạm xăng dầu Long Khánh
QL 1, Phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Xuân Tân
QL1, Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Hàng Gòn
QL 56, Xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

2. Cụm Xăng dầu số 2

Trạm xăng dầu Ngã Ba Vũng Tàu
Xã lộ Hà Nội, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Long Bình Tân
KP Bình Dương, QL 51, Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

3. Cụm Xăng dầu số 3

Trạm xăng dầu Nhơn Trạch
Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Phước Bình
Km37+100, QL51, Xã Phước Bình, Huyện Long Thành, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Trạm xăng dầu Long Tân
Tỉnh lộ 25B, xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

4. **Cụm Xăng dầu số 4**

Trạm xăng dầu Xuân Thạnh
QL 20, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Tín Thành
QL 1, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai

Cửa hàng Vật liệu xây dựng Dầu Giấy (đã ngừng hoạt động và giải thể vào cuối năm 2011)
QL 20, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai

5. **Cụm Xăng dầu số 5**

Trạm xăng dầu Xuân Thọ
Ấp Thọ Chánh, tỉnh lộ 763, Xã Xuân Thọ, Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Túc Trung
Ấp Đồn Điền 1, QL 20, xã Túc Trung, Huyện Định Quán, Đồng Nai

6. **Cụm Xăng dầu số 6**

Trạm xăng dầu 34
Đường Hùng Vương, Phường Xuân Trung, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu 35,
QL 1, Phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu 97
QL 1, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai

Cửa hàng Vật liệu xây dựng Long Khánh
QL 1, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Đồng Nai

7. **Cụm Xăng dầu số 7**

Trạm xăng dầu Suối Tre
QL1, Xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Suối Tre 2
Ấp Suối tre, QL1, Xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

8. **Cụm Xăng dầu số 8**

Trạm Xăng dầu Quang Trung
Quốc lộ 20, Xã Quang Trung, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng nai

Trạm xăng dầu Gia Tân
Ấp Đức Long 2, QL20, Xã Gia Tân 2, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai

9. **Cụm Xăng dầu số 9**

Trạm xăng dầu Vĩnh An
KP5, tỉnh lộ 767, thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Phú Lý
Số 177, Tỉnh lộ 761, Xã Phú Lý, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Trạm xăng dầu Bàu Hàm
15/02A, ấp Cây Kiều, Xã Bàu Hàm, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

10. Cụm Xăng dầu số 10

Trạm xăng dầu Cầu Mới
1/4 Nguyễn Ái Quốc, Phường Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Tân Bình
Ấp Bình Phước, tỉnh lộ 768, Xã Tân Bình, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Tân Tiến
KP7, Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

11. Cụm Xăng dầu số 11

Trạm xăng dầu Tân Phong
Số 126, đường Đồng Khởi, Phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Trạm Xăng dầu Tân Hòa
KP5, Quốc lộ 1, Phường Tân Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Thạnh Phú
Ấp 2, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai

12. Trạm xăng dầu La Ngà
Ấp Phú Quý, QL 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai

13. Trạm xăng dầu ICD Biên Hòa
Quốc lộ 51, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

14. Trạm xăng dầu Sông Trầu
Ấp 7, Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

I. Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày vào 31/12.

II. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa và công cụ, dụng cụ: giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị quản lý	5 – 08 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất trong vòng 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm Quyền sử dụng đất dùng để góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất (không trích khấu hao) và cửa hàng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là cửa hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm.

Chi phí trả trước

Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2008. Giá trị lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng còn lại của các khu đất là 50 năm.

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại công ty được hơn 1 năm với mức trích lập bằng 3% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

4. Tiền các khoản tương đương tiền	31/12/2011	31/12/2010
Tiền mặt	10.172.624.963	670.163.087
Tiền gửi ngân hàng	13.211.241.772	30.904.138.339
	23.383.866.735	31.574.301.426
5. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2011	31/12/2010
Phải thu khách hàng	60.158.205.227	49.919.201.715
Trả trước cho người bán	22.209.280.537	1.812.132.500
Các khoản phải thu khác (*)	3.306.000.171	11.061.677.253
Cộng các khoản phải thu	85.673.485.935	62.793.011.468
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(172.988.165)	(182.591.865)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	85.500.497.770	62.610.419.603
(*) Các khoản phải thu khác		
Phải thu cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Bất Động Sản Thống Nhất	-	751.100.000
Phải thu lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	-	9.425.579.432
Phải thu khác từ Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	-	139.668.967
Phải thu cổ tức được chia từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	3.202.500.000	743.812.500
Phải thu khác	103.500.171	1.516.354
	3.306.000.171	11.061.677.253
6. Hàng tồn kho	31/12/2011	31/12/2010
Xăng, dầu, nhớt, gas	14.921.317.380	47.821.803.840
Vật liệu xây dựng	1.812.541.478	4.579.691.321
Công cụ dụng cụ	550.348.754	-
	17.284.207.612	52.401.495.161
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	17.284.207.612	52.401.495.161
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	Năm 2011	Năm 2010
Tại ngày 01/01	3.774.570.598	297.437.500
Tăng trong năm	3.034.647.612	7.566.710.758
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.764.159.552)	(4.089.577.660)
Tại ngày 31/12	2.045.058.658	3.774.570.598

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

7. Chi phí trả trước ngắn hạn (tiếp theo)

Số dư tại ngày 31/12 bao gồm:	31/12/2011	31/12/2010
Chi phí lãi vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất	1.637.486.037	3.540.191.651
Phí bảo lãnh thanh toán ngân hàng	104.687.497	71.539.997
Chi phí bảo hiểm tài sản	105.404.802	162.838.950
Công cụ dụng cụ phân bổ	197.480.322	-
	2.045.058.658	3.774.570.598

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Ngày 01/01/2011	11.085.953.630	4.350.201.733	22.333.139.822	138.184.926	37.907.480.111
Tăng trong năm	32.438.371.216	10.678.971.917	643.467.916	-	43.760.811.048
Mua mới	8.299.020.810	774.672.408	643.467.916	-	9.717.161.134
Nhận hoàn trả tài sản góp vốn	24.139.350.406	9.904.299.509	-	-	34.043.649.914
Giảm trong năm	-	(32.300.000)	-	(10.284.976)	(42.584.976)
Thanh lý	-	(32.300.000)	-	(10.284.976)	(42.584.976)
Ngày 31/12/2011	43.524.324.846	14.996.873.650	22.976.607.738	127.899.950	81.625.706.183
Hao mòn lũy kế					
Ngày 01/01/2011	3.504.338.653	2.297.252.257	5.230.577.523	51.133.115	11.083.301.548
Tăng trong năm	9.853.753.402	6.417.899.569	2.239.475.400	17.448.168	18.528.576.538
Khấu hao trong năm	1.331.648.171	1.143.866.931	2.239.475.400	17.448.168	4.732.438.670
Nhận hoàn trả tài sản góp vốn	8.522.105.231	5.274.032.638	-	-	13.796.137.868
Giảm trong năm	-	-	-	(4.448.668)	(4.448.668)
Thanh lý	-	-	-	(4.448.668)	(4.448.668)
Ngày 31/12/2011	13.358.092.055	8.715.151.826	7.470.052.923	64.132.615	29.607.429.418
Giá trị còn lại					
Ngày 01/01/2011	7.581.614.977	2.052.949.476	17.102.562.299	87.051.811	26.824.178.563
Ngày 31/12/2011	30.166.232.791	6.281.721.824	15.506.554.815	63.767.335	52.018.276.765

Theo Biên bản thanh lý hợp đồng liên kết ký ngày 15/4/2011 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa (gọi tắt là Petrol Trade), hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng liên kết kinh doanh ngày 19/06/2009 và Petrol Trade sẽ hoàn trả lại toàn bộ những tài sản đã nhận góp vốn từ Công ty, bao gồm nguyên giá nhận ban đầu và giá trị khấu hao tài sản tính đến ngày bàn giao. Giá trị tài sản hoàn trả lại được căn cứ vào giá trị sổ sách của những tài sản này tại ngày bàn giao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

9. Tài sản cố định vô hình

		Quyền sử dụng đất
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2011		-
Tăng trong năm		1.336.298.305
<i>Mua mới</i>		1.336.298.305
Giảm trong năm		-
Tại ngày 31/12/2011		1.336.298.305
Hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2011		-
Tăng trong năm		81.662.669
<i>Khấu hao trong năm</i>		81.662.669
Giảm trong năm		-
Tại ngày 31/12/2011		81.662.669
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2011		-
Tại ngày 31/12/2011		1.254.635.636
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	31/12/2011	31/12/2010
Công trình xây dựng trạm xăng dầu Sông Trầu	-	1.444.359.481
Công trình xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 2	930.463.502	-
Công trình xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 1	945.236.354	-
Công trình xây dựng và sửa chữa các trạm xăng dầu khác	141.942.455	122.454.546
	2.017.642.311	1.566.814.027
11. Bất động sản đầu tư		
		Cửa hàng cho thuê
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2011		739.785.948
Tăng trong năm		-
Tại ngày 31/12/2011		739.785.948
Hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2011		293.329.039
Khấu hao trong năm		19.133.874
Tại ngày 31/12/2011		312.462.913
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2011		446.456.909
Tại ngày 31/12/2011		427.323.035

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2011	31/12/2010
Đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất	37.555.000.000	37.555.000.000
Góp vốn kinh doanh vào Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	-	123.508.550.428
Đầu tư dài hạn khác	109.481.175.000	106.750.000.000
	147.036.175.000	267.813.550.428

Góp vốn liên doanh vào công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa

Theo Biên bản thanh lý hợp đồng liên kết vào ngày 15/4/2011, hợp đồng liên kết kinh doanh này được thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn với nguyên nhân là việc liên kết kinh doanh không còn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của cả hai bên. Theo đó, Công ty sẽ nhận bàn giao lại toàn bộ tài sản đem đi góp vốn liên doanh cũng như kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ nợ liên quan đến hoạt động của các trạm xăng góp vốn. Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào mà hai bên phải gánh chịu liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Tính tới thời điểm ngày 31/12/2011, Công ty đã đầu tư mua cổ phiếu của các doanh nghiệp sau, đây là các cổ phiếu phổ thông và không hạn chế chuyển nhượng

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	106.750.000.000	3,4%	106.750.000.000	3,4%
Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	2.093.175.000	0,1%	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	638.000.000	1,1%	-	-
	109.481.175.000		106.750.000.000	

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011	Năm 2010
Tại ngày 01/01/2011	11.897.952.857	112.615.206.471
Tăng trong năm	102.568.880.975	282.183.311
- Mua trong kỳ	5.359.153.116	282.183.311
- Nhận bàn giao lại sau khi kết thúc góp vốn liên doanh	97.209.727.859	-
Giảm trong năm	(2.052.138.208)	(100.999.436.925)
- Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(2.052.138.208)	(1.620.576.925)
- Góp vốn liên doanh	-	(99.378.860.000)
Tại ngày 31/12/2011	112.414.695.624	11.897.952.857
Giá trị chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2011 bao gồm:	31/12/2011	31/12/2010
Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất dùng làm trạm xăng dầu	111.513.928.333	11.586.240.000
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	900.767.291	62.735.877
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	225.886.984
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	23.089.996
	112.414.695.624	11.897.952.857

Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất được hình thành từ việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời hạn thuê đất là 50 năm. Trong năm 2011, Công ty nhận lại giá trị lợi thế thương mại đem đi góp vốn kinh doanh sau khi chấm dứt hoạt động liên doanh là 96.674.673.332 đồng.

Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của những khu đất thuê làm trạm xăng dầu, được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng nhất quán theo thời gian thuê của đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

14. Vay và nợ ngắn hạn	Năm 2011	Năm 2010
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	71.963.285.500	77.880.218.780
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	44.389.735.200
- Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất	26.825.000.000	-
- Công ty TNHH Tổng Công ty Tín Nghĩa	10.616.518.781	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.304.000.000	18.406.000.000
	111.708.804.281	140.675.953.980

Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 2011035/HM3/KHDN ngày 22/8/2011. Theo đó, hạn mức tín dụng của khoản vay là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ 01 đến 02 tháng kể từ ngày nhận nợ theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay theo biểu thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm rút vốn. Khoản vay này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho việc kinh doanh xăng dầu và được bảo lãnh vay vốn bởi Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty CP Bất động Sản Thống Nhất theo hợp đồng vay vốn số 02/2011/HĐKT ngày 28/02/2011, với số tiền vay: 26.825.000.000 đồng. Thời hạn vay là 06 tháng (kể từ ngày nhận nợ), thời gian gia hạn 06 tháng. Lãi suất vay là 3,6%/năm. Khoản vay này không phải thế chấp và được sử dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động cho việc kinh doanh xăng dầu.

Khoản phải trả Tổng công ty Tín Nghĩa bao gồm tiền mua tài sản, thuế phí...; khoản phải trả này không quy định thời hạn trả nợ, không cần thế chấp và bắt đầu tính lãi theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương kể từ ngày 01/01/2011.

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Năm 2011	Năm 2010
Thuế giá trị gia tăng	1.289.628.290	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.574.566.718
Thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp	29.374.321	73.050.275
	1.319.002.611	4.647.616.993

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu nhận trước từ việc buôn bán xăng dầu	201.146.437	2.967.599.999
Tiền mượn từ Tổng Công ty Tín Nghĩa	7.596.791.794	5.298.549.337
Chi khen thưởng cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	-	675.746.555
Chi khen thưởng Hội đồng Quản trị- Ban điều hành	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	531.983.088	548.537.805
	8.329.921.319	9.595.433.696

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

17. Vay và nợ dài hạn	Năm 2011	Năm 2010
Vay dài hạn		
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	29.203.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Á	3.300.000.000	4.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Đồng Nai	5.890.512.400	4.816.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.304.000.000)	(18.406.000.000)
	6.886.512.400	20.013.000.000

Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng số 2010051/KHDN/NHNT-DA ngày 07/10/2010 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 07/10/2010, Công ty bắt đầu trả nợ gốc từ ngày 07/10/2011. Lãi suất cho vay là 17,6%/năm và điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay này được sử dụng để mua xe bồn và được thế chấp bởi tài sản của Công ty là 04 chiếc xe bồn hình thành từ nguồn vốn vay có giá trị ước tính là 6.392.145.456 đồng.

Và hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 2011050/DA/KHDN ngày 21/11/2011 với thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, Công ty bắt đầu trả nợ gốc từ ngày 21/12/2012. Lãi suất cho vay theo thông báo của NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai tại thời điểm giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh 01 quý/lần. Khoản vay này được sử dụng để thanh toán các chi phí phát sinh của việc đầu tư dự án trạm xăng dầu Định Quán 1 và Định Quán 2 và được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc 02 dự án này với tổng giá trị không thấp hơn 9.383.000.000 đồng.

Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đại Á theo hợp đồng tín dụng số TD09/0345/HS ngày 01/9/2009 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 04/9/2009, Công ty bắt đầu trả nợ gốc từ ngày 04/3/2011. Lãi suất cho vay là 17,6%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần. Khoản vay này được sử dụng để mua xe bồn và được thế chấp bởi tài sản của công ty là 04 chiếc xe bồn hình thành từ nguồn vốn vay có giá trị ước tính là 6.307.218.000 đồng.

18. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Ngày 01/01/2010	204.547.800.000	(4.023.150.000)	(220.000.000)	4.850.307.151	17.997.436.110	223.152.393.261
Tăng vốn	8.889.800.000					8.889.800.000
Thặng dư vốn		4.023.150.000				4.023.150.000
Mua cổ phiếu quỹ			(210.000.000)			(210.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ			430.000.000			430.000.000
Trích lập quỹ				1.240.098.510	(2.178.095.109)	(937.996.599)
LN trong năm					11.320.932.353	11.320.932.353
Chi trả cổ tức					(16.917.383.353)	(16.917.383.353)
Ngày 31/12/2010	213.437.600.000	-	-	6.090.405.661	10.222.890.001	229.750.895.662
Lãi năm 2011	-	-	-	-	11.336.951.415	11.336.951.415
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(10.128.972.084)	(10.128.972.084)
Ngày 31/12/2011	213.437.600.000	-	-	6.090.405.661	11.430.869.332	230.958.874.993

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn góp cổ đông

Cổ đông sáng lập	Vốn góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2011	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
Tổng Công ty Tín Nghĩa - Công ty TNHH, đại diện bởi ông Quách Văn Đức và ông Lê Hữu Tịnh	17.343.760	81%	17.343.760	81%
Cán bộ công nhân viên Tổng công ty Tín Nghĩa - Công ty TNHH và Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa	4.000.000	19%	3.102.020	15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Á	-	0%	897.980	4%
	21.343.760	100%	21.343.760	100%

Công ty đang tiến hành xin sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với nội dung liên quan đến việc thay đổi các cổ đông góp vốn cũng như tỷ lệ vốn góp theo thực tế tại ngày 31/12/2011.

Cổ phiếu	Năm 2011	Năm 2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	21.343.760	21.343.760
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	21.343.760	21.343.760
- Cổ phiếu thường	21.343.760	21.343.760
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.343.760	21.343.760
- Cổ phiếu thường	21.343.760	21.343.760
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ tức

Trong năm 2011, Công ty đã tiến hành chia cổ tức cho các Cổ đông theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông với số tiền là 10.128.972.084 đồng.

19. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu bán xăng dầu	2.694.046.781.557	1.763.595.782.201
Doanh thu bán vật liệu xây dựng và doanh thu khác	44.394.940.923	40.072.753.568
	2.738.441.722.480	1.803.668.535.769
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	-	(5.780.733)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.738.441.722.480	1.803.662.755.036

20. Giá vốn hàng bán	Năm 2011	Năm 2010
Giá vốn xăng dầu đã cung cấp	2.641.771.019.627	1.741.342.514.991
Giá vốn vật liệu xây dựng và giá vốn khác	40.850.382.576	33.051.299.719
	2.682.621.402.203	1.774.393.814.710

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

	Năm 2011	Năm 2010
21. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi đầu tư cho Tổng công ty Tín Nghĩa vay	-	15.071.130.482
Lãi đầu tư góp vốn Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	2.227.572.338	9.425.579.432
Nhất	5.633.250.000	8.262.100.000
Cổ tức được chia từ Ngân Hàng Đại Á	10.675.000.000	2.332.859.500
Lãi thu tiền hàng thanh toán chậm và lãi tiền gửi ngân hàng	1.520.754.371	3.381.840.590
	20.056.576.709	38.473.510.004
22. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	26.477.263.572	26.500.915.174
	26.477.263.572	26.500.915.174
23. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	14.418.683.728	4.504.433.367
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.444.717.140	1.908.525.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.800.728.314	3.343.526.399
Phân bổ lợi thế thương mại	1.683.984.999	241.380.000
Chi phí bằng tiền khác	2.387.729.779	1.852.521.195
Chi phí công cụ, đồ dùng	216.883.996	75.931.434
	25.952.727.956	11.926.317.922
24. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	6.818.750.640	3.322.694.081
Chi phí công cụ, dụng cụ	374.347.098	367.809.858
Chi phí khấu hao	295.717.686	394.401.788
Thuế phí, lệ phí, thù tục phí	62.322.334	34.905.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.709.960.994	2.700.249.442
Chi phí bằng tiền khác	2.052.724.686	1.792.057.964
Thù lao hội đồng quản trị	-	616.400.000
Chi phí niêm yết trên thị trường chứng khoán Mỹ	-	8.787.113.340
	12.313.823.438	18.015.631.473
25. Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	22.000.000
Thu nhập khác	259.460.735	924.080.362
	259.460.735	946.080.362

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận trước thuế	11.366.512.894	11.418.620.514
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	1.748.203.936	14.425.793.213
- Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	13.670.661.213
- Chi phí không được khấu trừ thuế, bao gồm:	1.748.203.936	755.132.000
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.593.473.336	241.380.000
- Chi phí không có chứng từ hợp lệ	154.730.600	513.752.000
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(18.535.822.338)	(34.081.952.789)
- Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	(14.061.413.857)
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	(18.535.822.338)	(20.020.538.932)
Thu nhập tính thuế	(5.421.105.508)	(8.237.539.062)
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo thuế suất quy định	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở sau:

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.336.951.415	11.320.932.353
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.343.760	20.435.484
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	531	554

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí phân bổ	6.015.650.919	2.988.048.607
Chi phí nhân công	21.237.434.368	7.827.127.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.510.689.308	14.830.889.181
Chi phí bằng tiền khác	4.502.776.799	4.295.884.159
38.266.551.394	29.941.949.395	

29. Số dư đầu kỳ

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ phát sinh từ việc phát hiện ra những sai sót của năm tài chính trước đây và việc phân loại lại cần phải điều chỉnh, số dư trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại như sau:

Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán

	Số liệu ngày 01/01/2011	Số liệu ngày 31/12/2010	Chênh lệch
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	-	1.212.952.000	(1.212.952.000)
Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	-	(1.150.216.123)	1.150.216.123
Chi phí trả trước dài hạn	11.897.952.857	11.835.216.980	62.735.877

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Số dư đầu kỳ (tiếp theo)

Các khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Số liệu ngày 01/01/2011	Số liệu ngày 31/12/2010	Chênh lệch
Khấu hao tài sản cố định	2.776.557.299	2.781.998.387	(5.441.088)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(2.154.609.792)	(2.160.050.880)	5.441.088

Các số liệu đầu năm của báo cáo tài chính năm 2011 được điều chỉnh hồi tố là giá trị của chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng các khu đất thuê được sử dụng để xây dựng cây xăng.

30. Các thông tin bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, công ty phát sinh các chỉ tiêu tài chính phi tiền tệ như sau:

Nội dung	Giá trị
Giá trị tài sản cố định nhận lại sau khi kết thúc hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	34.043.649.914
Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định nhận lại sau khi kết thúc hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	13.796.137.868
Giá trị lợi thế vị trí địa lý của các khu đất trạm xăng nhận lại sau khi kết thúc hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	96.674.673.332
Giá trị của khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của các khu đất được sử dụng xây dựng làm trạm xăng	472.318.630
	<u>144.986.779.744</u>

31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bán hàng	Năm 2011	Năm 2010
Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	227.092.271	202.190.283
Công ty Cổ phần Tín Khải	30.971.817	-
Tổng Công ty Tín Nghĩa	40.599.415	101.498.294.183
Công ty Cp Xây dựng Tín Nghĩa	-	106.181.818
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	-	571.349.453.572
ICD Đồng Nai	47.195.308	-
ICD Biên Hòa	1.985.389.983	6.738.636
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tín Nghĩa	9.834.768.922	2.687.569.180
Cộng ty TNHH MTV du lịch và dịch vụ Tín Nghĩa	396.764.676.396	-
Ngân hàng TMCP Đại Á	802.470.067	342.705.011
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	357.435.253	-
Công ty TNHH MTV đá Granite Tín Nghĩa	19.675.438	5.454.546
Công ty TNHH MTV KCN Ông Kèo	28.723.091	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa	-	1.689.600
Sàn giao dịch Bất Động Sản Tín Nghĩa	73.702.183	-
Công ty CP Thống Nhất	170.372.687	-
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	1.130.953.316	1.085.493.980
Trạm xăng dầu Suối Tre	-	2.072.728

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm 2011	Năm 2010
Bán hàng (tiếp theo)		
Trạm xăng dầu Tân Phú	97.472.726	-
Trạm xăng dầu Xuân Thọ	-	800.455
	411.611.498.874	677.288.643.992
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	141.207.406.422	232.377.233.714
Tổng Công ty Tín Nghĩa	10.616.518.781	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tín Nghĩa		207.502.273
Công ty TNHH MTV Quan3 lý Dự án Tín Nghĩa	12.150.000	-
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	-	24.360.000
Công ty CP Thiết Kế và Tư Vấn Xây Dựng Tín Nghĩa	-	17.181.818
	151.836.075.203	232.626.277.805
Vay		
Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất	26.825.000.000	-
	26.825.000.000	-
Cho vay		
Tổng Công ty Tín Nghĩa	-	19.488.568.000
	-	19.488.568.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:		
Phải thu	31/12/2011	31/12/2010
Tổng Công ty Tín Nghĩa	6.777.200	-
Công ty CP Thiết Kế và Tư Vấn Xây Dựng Tín Nghĩa	-	23.001.500
ICD Đồng nai	6.663.800	-
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	71.240.000	14.178.050
ICD Biên Hoà	130.111.200	-
Công ty CP Phát Triển KCN Tín Nghĩa	49.995.450	-
Công ty CP Thống Nhất	24.481.800	-
Công ty TNHH MTV KCN Ông Kèo	3.328.000	-
Công ty cổ phần Tín Khai	4.160.000	-
Sàn giao dịch bất động sản Tín Nghĩa	4.576.000	-
Cty TNHH MTV Du lịch và dịch vụ Tín Nghĩa	2.622.850.000	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tín Nghĩa	3.014.950.850	-
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	112.146.700	-
Công ty TNHH MTV KDXD Tín Nghĩa	-	27.904.361.991
	6.051.281.000	27.941.541.541
Phải trả	31/12/2011	31/12/2010
Công ty CP Thiết Kế và Tư Vấn Xây Dựng Tín Nghĩa	-	9.900.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tín Nghĩa	-	37.554.000
Tổng Công ty Tín Nghĩa	10.616.518.781	5.298.549.337
Công ty TNHH MTV KDXD Tín Nghĩa	-	554.290.938
	10.616.518.781	5.900.294.275

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

32. Các sự kiện quan trọng trong năm

Chấm dứt hoạt động liên kết kinh doanh với Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa

Vào ngày 15/4/2011, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng liên kết kinh doanh ngày 19/6/2009. Theo đó, hoạt động liên kết kinh doanh được thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn với nguyên nhân là việc liên kết kinh doanh không còn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của cả hai bên. Công ty sẽ nhận bàn giao lại toàn bộ tài sản đem đi góp vốn liên doanh là 21 trạm xăng dầu cũng như kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ nợ liên quan đến hoạt động của các trạm xăng góp vốn. Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào mà hai bên phải gánh chịu liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

33. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

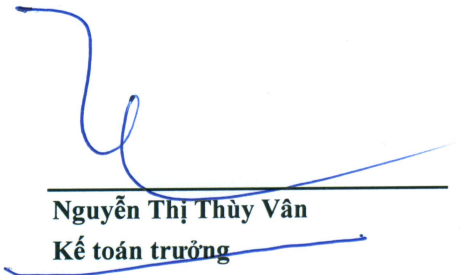
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Lê Văn Danh

Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Thị Thùy Vân

Kế toán trưởng



Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam – Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế DFK
DFK Vietnam Auditing Company – A Member of DFK International

Ho Chi Minh Office

No. 38/8 Lam Son, Tan Binh Dist.
Tel: 84 8 6296 8684
Fax: 84 8 6296 8679
Web: www.dfkvietnam.com

Ha Noi Office

Level 25, M3-M4 Building
No. 91, Nguyen Chi Thanh Street,
Dong Da District, Hanoi City
Tel: 84 4 6266 3006

Rep. Office in Ho Chi Minh

No. 426 Cao Thang, District 10,
Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: 08 3868 3306/07
Fax: 08 3868 3378